

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Trần Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Chí L, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp Tân Th, xã Tân T, huyện Đàm D, tỉnh Cà M (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Dương Hồng D, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện Đàm D, tỉnh Cà M (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện anh Trần Chí L trình bày:

Về hôn nhân: Anh Trần Chí L và chị Dương Hồng D chung sống tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chung sống được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do chị D không chung thủy. Anh L và chị D ly thân khoảng 15 năm nay. Anh L xác định mục đích hôn nhân giữa anh với chị D không đạt được nên yêu cầu ly hôn với chị D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Thị Trâm A, sinh năm 2009, đang sống cùng chị D. Khi ly hôn anh L yêu cầu giao cháu Trâm A cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ: Không có.

- Đối với chị Dương Hồng D: Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của anh nhưng chị D không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Chí L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; chị Dương Hồng D đã được triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh L thấy rằng: Anh L và chị D tự nguyện chung sống, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, theo anh L trình bày là do chị D không chung thủy. Chị D không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến anh L yêu cầu ly hôn với chị D mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu nuôi con của anh L thấy rằng: Cháu Dương Thị Trâm A hiện do chị D đang nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay, ít có mặt tại địa phương nên Tòa án không xem xét được nguyện vọng của cháu; chị D không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên chấp nhận yêu cầu của anh L, giao Trâm A cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh L không yêu cầu, chị D không có ý kiến gì khác nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Chí L với chị Dương Hồng D.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thị Trâm A, sinh năm 2009 cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Chí L phải chịu là 300.000 đồng. Anh L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0011837 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai